

Số: 426 /SGD&ĐT-GDMN
V/v hướng dẫn điều tra, thống kê
số liệu phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi

Hòa Bình, ngày 24 tháng 3 năm 2011

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố.

Thực hiện Kế hoạch số 1925/KH-UBND ngày 08/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2010-2015; Ngày 01/3/2011, Sở GD&ĐT đã có Công văn số 130/HD-SGD&ĐT-GDMN ngày 26/01/2011 về việc hướng dẫn thực hiện phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2011 – 2012. Sở GD&ĐT hướng dẫn công tác điều tra và thống kê số liệu theo các biểu mẫu như sau:

1. Phiếu điều tra:

- Đối tượng điều tra: Toàn bộ trẻ từ 0 tuổi đến 5 tuổi có hộ khẩu thường trú trên địa bàn và những trẻ có thời gian tạm trú trên địa bàn từ 6 tháng trở lên.

- Sử dụng phiếu: Phiếu điều tra được dùng trong 06 năm học (từ năm học 2010 – 2011 đến năm học 2015 – 2016).

- Số phiếu: Mã xóm, bản; Mã hộ được thống nhất theo mã của phổ cập Tiểu học và THCS (Chép lại mã từ phiếu theo dõi phổ cập của Tiểu học và THCS).

- Cột số (1): Ghi thứ tự tên trẻ trong hộ gia đình (trẻ nhiều tuổi hơn ghi trước).

- (2): Ghi đủ họ và tên trẻ theo sổ hộ khẩu.

- (3): Ghi hai số của tháng sinh và hai số cuối của năm sinh, cách nhau dấu (/). Ví dụ: trẻ sinh tháng 9 năm 2009 thì ghi 09/09.

- (4): Đánh dấu (x) nếu trẻ là Nữ, nếu là Nam thì bỏ trống.

- (5): Ghi đầy đủ tên dân tộc, không viết tắt.

- (6): Chỉ cần ghi (Con) hay (Cháu).

- Từ cột (7) đến cột (12) điền thông tin tại thời điểm điều tra: Trẻ học nhóm/lớp thuộc năm học nào thì ghi vào năm học ấy theo quy định sau:

+ Trẻ học nhóm 3-12 tháng ghi số 0;

+ Trẻ học nhóm 12- 24 tháng ghi số 1;

+ Trẻ học nhóm 24-36 tháng ghi số 2;

+ Trẻ học chương trình mẫu giáo 3 - 4 tuổi ghi số 3;

+ Trẻ học chương trình mẫu giáo 4 – 5 tuổi ghi số 4;

+ Trẻ học chương trình mẫu giáo 5 – 6 tuổi ghi số 5.

Năm trước trẻ học lớp 5-6 tuổi, năm sau học lại thì vẫn ghi số 5.

Cần chú ý ở đây là ghi lớp trẻ đang học chứ không phải ghi tuổi của trẻ.

Ví dụ: Trẻ 22 tháng nhưng học nhóm trẻ 24-36 tháng thì vẫn ghi số 2.

- (13): Ghi tên trường trẻ đang học ở thời điểm hiện tại. Trong trường hợp năm học sau điều tra trẻ chuyển trường thì ghi tên trường trẻ chuyển đến vào cột Ghi chú (17).

- (14): Chỉ ghi những trường hợp trẻ cắt khẩu chuyển đi hoặc chuyển đến hoặc trẻ chuyển đến, chuyển đi tạm trú quá 6 tháng, cách ghi như sau:

+ Nếu trẻ chuyển đi điền chữ (O) và tên cột ở năm học trẻ chuyển đi.

VD: Trẻ chuyển đi năm học 2011 – 2012 (cột số 8) ghi O8.

+ Nếu trẻ chuyển đến điền chữ (I) và tên cột ở năm học trẻ chuyển đến.

VD: Trẻ chuyển đến năm học 2012 – 2013 (cột số 9) ghi I9.

- (15): Đánh dấu (x) nếu trẻ đã học song chương trình GDMN (*Gồm các loại chương trình GDMN*).

- (16): Điền chữ B nếu trẻ bỏ học và tên cột ở năm bỏ học tương ứng.

VD: Trẻ bỏ học năm học 2013 – 2014 (cột số 10) thì ghi B10.

- (17): Đây là cột dành ghi những thông tin chưa có trong phiếu điều tra, ghi những thông tin đặc biệt liên quan tới trẻ như:

+ Trẻ khuyết tật: Ghi rõ loại tật.

+ Trẻ mồ côi cha hoặc mẹ hoặc cả cha lẫn mẹ...

* **Chú ý:** Các phiếu điều tra được đóng thành từng tập theo Thôn, xóm để tiện theo dõi.

2. Sổ theo dõi kết quả điều tra phổ cập GDMN cho trẻ em 5 tuổi.

Từ kết quả điều tra trong phiếu điều tra, cán bộ phổ cập điền danh sách trẻ theo năm sinh (*Ghi ở đầu phiếu*).

- Điền danh sách và thông tin của trẻ từ 5 tuổi trước, sau đó đến những trẻ 4, 3, 2, 1 và 0 tuổi.

VD: Danh sách trẻ sinh năm 2005 (tính thời điểm hiện tại đang được 5-6 tuổi chuẩn bị vào lớp 1) rồi đến danh sách trẻ sinh năm 2006 (4-5 tuổi)...

- Ghi danh sách trẻ cùng tuổi, cùng thôn (theo A, B, C) trước rồi mới đến trẻ ở thôn khác.

VD: Danh sách trẻ sinh năm 2005, liệt kê tất cả trẻ sinh năm 2005 ở Thôn A rồi mới đến trẻ sinh năm 2005 ở Thôn B.

Mỗi năm lập riêng thành một tập và để trống cuối danh sách, phòng trường hợp có chuyển đến và bổ sung ở lần điều tra sau.

- Cách điền thông tin như đối với phiếu điều tra hộ gia đình.

3. Biểu thống kê phổ cập (3 biểu).

3.1. Biểu số 1: Thống kê trẻ em 0 – 5 tuổi.

Biểu gồm 20 mục, cán bộ làm thống kê lưu ý điền thông tin theo nội dung từng mục và cột tương ứng. Cách điền số liệu thống kê như sau:

- **1(mục 1). Tổng số:** Tổng số trẻ trong độ tuổi trên địa bàn ở thời điểm điều tra (gồm cả những trẻ tạm trú quá 6 tháng, không tính những trẻ chuyển đi quá 6 tháng).

+ Trẻ em gái: Tổng số trẻ em gái trong độ tuổi trên địa bàn ở thời điểm điều tra (bao gồm cả những trẻ nữ tạm trú quá 6 tháng).

+ Trẻ dân tộc thiểu số: Tổng số trẻ dân tộc thiểu số trong độ tuổi trên địa bàn ở thời điểm điều tra (bao gồm cả những trẻ tạm trú quá 6 tháng).

+ Trẻ khuyết tật: Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi trên địa bàn ở thời điểm điều tra (bao gồm cả những trẻ tạm trú quá 6 tháng).

- **2. Số trẻ phải huy động:** Lấy tổng số trẻ điều tra trừ (-) số trẻ khuyết tật.

- **3. Trẻ đến trường, lớp:** Tổng số trẻ trên địa bàn đi học (gồm cả những trẻ trên địa bàn đi học ở nơi khác).

+ Tỷ lệ huy động bằng (=) Trẻ đến trường chia (/) số trẻ phải huy động nhân (x) 100 (Mục 3 / Mục 2 x 100).

- **4. Trẻ khuyết tật học hòa nhập:** Gồm những trẻ khuyết tật trên địa bàn đi học.

- **5. Trẻ từ nơi khác đến học:** Những trẻ không có hộ khẩu trên địa bàn, từ địa bàn khác sang học (học trái tuyến).

- **6. Số trẻ học 2 buổi/ngày:** Gồm những trẻ được ăn bán trú và những trẻ đi học 2 buổi (Có những trẻ đi học 2 buổi nhưng không được ăn bán trú).

Số trẻ học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN mới: Gồm những trẻ học theo chương trình được ban hành theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/7/2009 về việc ban hành Chương trình GDMN mới.

+ Tỷ lệ = Số trẻ học 2 buổi/ngày theo chương trình GDMN mới / tổng số trẻ ra lớp x 100.

- **7. Trẻ khuyết tật học hòa nhập 2 buổi/ngày theo CT GDMN mới:** Gồm những trẻ khuyết tật đi học 2 buổi/ngày theo chương trình (không được tính số này vào mục (6)).

- **8. Số trẻ đi học từ nhà trẻ:** Thống kê toàn bộ trẻ trong độ tuổi bắt đầu đi học từ nhà trẻ đến thời điểm hiện tại.

- **9. Số trẻ đi học từ mẫu giáo 3-4 tuổi:** Thống kê toàn bộ trẻ từ 3 tuổi đến 5 tuổi bắt đầu đi học từ 3-4 tuổi đến thời điểm hiện tại.

- **10. Số trẻ đi học từ mẫu giáo 4-5 tuổi:** Thống kê toàn bộ trẻ từ 4 tuổi đến 5 tuổi bắt đầu đi học từ 4-5 tuổi đến thời điểm hiện tại.

- **11. Số trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần:** Những trẻ 5 tuổi đến trường.

+ Tỷ lệ = Số trẻ 5 tuổi đi học chuyên cần / tổng số trẻ 5 tuổi đi học x 100.

- **12. Số trẻ được ăn tại trường:** Toàn bộ số trẻ trong độ tuổi được ăn tại trường.

+ Tỷ lệ = Số trẻ được ăn tại trường / Số trẻ ra lớp x 100.

- **13 và 14.** các đơn vị thống kê như đã được tập huấn chuyên môn theo dõi biểu đồ phát triển.

+ Tỷ lệ = Số trẻ bị SDD / Số trẻ được theo dõi biểu đồ x 100.

- **15. Số trẻ hoàn thành CT GDMN mới (5-6 tuổi):** Gồm những trẻ 5-6 tuổi đã hoàn thành 9 tháng CT GDMN mới.

- Tỷ lệ = $15/3 \times 100$.

- **16. Trẻ khuyết tật học hòa nhập hoàn thành CT GDMN mới:**

Gồm những trẻ khuyết tật 5-6 tuổi đã hoàn thành 9 tháng CT GDMN mới (Không tính số trẻ này vào trong mục (15)).

- **17. Trẻ học trái tuyến hoàn thành CT GDMN mới:**

Gồm những trẻ không có hộ khẩu thường trú trên địa bàn nhưng đến học tại địa bàn và hoàn thành CT GDMN mới (*không tính số này vào mục (15)*).

- **Các mục 18, 19, 20:** Điền số liệu cụ thể theo từng mục.

* **Chú ý:** Để thuận tiện cho đơn vị trong việc thống kê tỷ lệ %, Sở GD&ĐT đã đặt công thức sẵn, các đơn vị có bản mềm (*Sở GD&ĐT gửi theo địa chỉ Mail*) và điền số liệu vào các ô (trắng), không điền thông tin vào những ô, cột đã đánh dấu (vàng).

3.2. Biểu số 2: Thống kê đội ngũ CBQL, GV và NV.

- Cột 1: Điền số thứ tự.

- Cột 2: Điền tên xã/phường/thị trấn đối với đơn vị cấp huyện. Điền danh sách CBQL, GV, NV đối với cấp xã. Cụ thể như sau:

+ Đối với cấp xã: Điền **Họ tên** CBQL, GV, NV thuộc xã/phường/thị trấn quản lý sau đó đánh dấu (x) ở ô, cột tương ứng.

+ Đối với cấp huyện: Liệt kê danh sách các xã và điền **số lượng** vào các ô cột tương ứng.

- Từ cột (3) đến cột (9) điền thông tin chung đối với CBQL, GV, NV của đơn vị. Phải đảm bảo độ chính xác số liệu tương thích giữa các cột như sau. Cột (3) = (4 + 5) = (6 + 7 + 8 + 9).

- Từ cột (12) đến cột số (23) dành riêng thống kê đối với giáo viên mẫu giáo 5 tuổi. Sau khi điền số liệu, kiểm tra số liệu phải đảm bảo như sau:

Cột 10 = (11 + 12) = (16 + 17 + 18 + 19) = (20 + 21 + 22 + 23).

- Cột 12 (Ngoài BC): Gồm toàn bộ GV dạy MG 5 tuổi được hợp đồng với tỉnh, huyện, trường...

- Cột 13 (Được hưởng chính sách theo quy định): Gồm những Giáo viên dạy lớp 5 tuổi được hưởng chính sách theo quy định của nhà nước (*được tuyển dụng biên chế hoặc Quyết định hợp đồng của UBND tỉnh*).

- Cột 15 (GV/lớp): Tính tỷ lệ trung bình giáo viên/lớp.

- Từ cột 20 đến 23: Đánh giá xếp loại theo Quyết định số 02 /2008/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về Chuẩn nghề nghiệp đối với GVMN.

3.3. Biểu số 3: Thống kê tiêu chuẩn phòng học, cơ sở vật chất.

- Cột số 2: Điền tên trường theo thứ tự từng trường (*không chỉ ghi tên xã*).

- Giải thích từ viết tắt và thống nhất một số khái niệm:

+ Mức 1, mức 2: Trường mầm non theo mức độ 1 và mức độ 2 đã được quy định tại Quyết định số 36/2008/QĐ-BGDĐT ngày 16/07/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn QG.

Đánh dấu (x) và ô tương ứng với mức độ chuẩn của trường đã được công nhận.

+ Cột 5 (Số điểm trường): Ghi tổng số các điểm trường (*gồm cả điểm chính và các điểm lẻ*).

+ Cột 7 (Lớp ghép): Tổng số lớp ghép có trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi (*trong tổng số lớp 5 tuổi*).

+ Cột 8 (Phòng Kiên cố): Là những phòng học một tầng được xây dựng bằng bê tông cốt thép và đổ mái bằng hoặc được xây từ 2 tầng trở lên.

+ Cột 10(Bán KC): Gồm những phòng học một tầng được lợp mái.

Không thống kê những phòng học nhờ không thuộc quyền quản lý.

Đối với những phòng học sử dụng thêm làm phòng học khác (*sử dụng ngách của phòng học làm một phòng học khác*) chỉ thống kê là một phòng.

+ Cột 12 (Đạt yêu cầu điều lệ): Đối chiếu theo các tiêu chuẩn tại điều lệ trường mầm non.

+ Cột 14 (Đủ Tệ ĐDDC): Các đơn vị thực hiện việc rà soát lại các điều kiện đối chiếu theo Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/2/2010 về việc ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu cho GDMN.

+ Cột 15 (SL/phòng): Số máy vi tính cho trẻ chơi/tổng số phòng có máy.

+ Cột 16 (Phần mềm): Tổng số phần mềm sử dụng cho trẻ chơi.

- Các cột từ 17 đến 28 thống kê chung cho cả trường.

+ GH: Giám hiệu.

+ VP: Văn phòng.

+ HCQT: Hành chính quản trị.

+ GDNT&TC: Giáo dục nghệ thuật và thể chất.

+ Phòng khác: Là những phòng được sử dụng cho các mục đích khác.

- Từ viết tắt:
- + TS: Tổng số.
- + DT: Diện tích (*tính theo đơn vị mét vuông*).
- + SL: Số lượng phòng.

Trên đây là hướng dẫn về nghiệp vụ điều tra, thống kê, lập hồ sơ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, đề nghị Ban chỉ đạo PCGD các huyện, thành phố tập trung triển khai, thực hiện. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc hoặc đề xuất, cần phản ánh kịp thời về Sở GD&ĐT (*phòng GDMN*) để xem xét, giải quyết. / *Đ*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, MN (MT5b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Trọng Đắc

(Theo lòng họ gia đình)

Họ và tên chủ hộ:

Mã xóm	Mã hộ

[illegible]

Họ, tên và chữ ký	Năm học 2010 - 2011	Năm học 2011 - 2012	Năm học 2012 - 2013	Năm học 2013 - 2014	Năm học 2014 - 2015	Năm học 2015 - 2016
CB, NV điều tra 1						
CB, NV điều tra 2						
Chủ hộ						
Trưởng thôn						
	Ngày tháng năm 201 ... (Ký tên, đóng dấu)	Ngày tháng năm 201 (Ký tên, đóng dấu)	Ngày tháng năm 201 (Ký tên, đóng dấu)	Ngày tháng năm 201 (Ký tên, đóng dấu)	Ngày tháng năm 201 (Ký tên, đóng dấu)	Ngày tháng năm 201 (Ký tên, đóng dấu)
BCĐ PC cấp xã/phường						

BẢNG THEO DỐI KẾT QUẢ ĐIỀU TRA PHỎ CẬP GDMN CHO TRẺ EM 5 TUỔI

Sinh năm

[illegible]

* Ghi chú:

Sau khi điều tra đã có bản danh sách đối tượng thuộc địa bàn quản lý với đầy đủ nội dung chính xác thì bắt đầu ghi vào sổ phổ cập.

- Ghi danh sách trẻ em ở độ tuổi 5 tuổi trước, tiếp đến các độ tuổi 4, 3, 2, 1 và 0 (mới sinh).
- Ghi theo từng thôn hay đội lần lượt hết thôn này đến thôn khác để dễ theo dõi theo địa bàn dân cư (theo thứ tự chữ cái A, B, C)
- Ghi năm sinh của trẻ ở đầu trang.